

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE Ô TÔ, RƠ MOOC, SƠ MI RƠ MOOC NHẬP KHẨU**

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental
protection for imported automobile, trailer, semitrailer)

Tình trạng phương tiện (Vehicle's status): Chưa qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY TNHH CIMC VEHICLES (VIỆT NAM)

Địa chỉ (Address): Phòng 1603, Tầng 16, số 1060, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Loại phương tiện (Vehicle's type): Sơ mi rơ moóc tải chở container

Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường (Clean, green energy vehicle): Không

Cho phép tự động hóa điều khiển (Allows driving automation): Không

Nhãn hiệu (Trade mark): CIMC

Tên thương mại (Commercial name): ZJV9400JPHJA

Số khung (Chassis Nº): LJRP1238XS4036811

Nước sản xuất (Production country): CHINA

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration Nº/date): 107834876551 / 24/12/2025

Số biên bản kiểm tra (Inspection record Nº): 009558/25OT-078/012

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 14/01/2026 / Thành phố Hà Nội

Số đăng ký kiểm tra (Registered Nº for inspection): 009558/25OT

Mã kiểu loại (Model code): ---

Màu xe (Vehicle color): VÀNG

Số động cơ (Engine Nº):

Năm sản xuất (Production year): 2025

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	7000	kg
Khối lượng hàng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. cargo pay mass: Designed/Authorized):	33000/32050	kg
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. total mass: Designed/Authorized):	40000/39050	kg
Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất phân bổ lên chốt kéo (Authorized Total mass on kingpin):	15065	kg
Kích thước bao : Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	12380 x 2480 x 1500	mm
Công thức bánh xe (Drive configuration):	6 x 0	
Khoảng cách trục (Wheel space):	7600 + 1310 + 1310	mm
Vết bánh xe trước (Front track):	1840	mm
Vết bánh xe sau (Rear track):		
Lốp xe (Tyres):	- Trục 1 (Axle 1 st): - Trục 3 (Axle 3 rd):	- Trục 2 (Axle 2 nd): - Trục 4 (Axle 4 th):
	04 Lốp; 12R22.5	04 Lốp; 12R22.5

Thiết bị đặc trưng (Special equipment): Cơ cấu chốt khóa container

Xe đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

The vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Ghi chú (Remarks):

- Các giá trị khối lượng nêu trên được ghi nhận khi sử dụng để chở 01 container loại 40 feet hoặc 02 container loại 20 feet; - Khi sử dụng để chở 01 container loại 20 feet đặt ở giữa thì khối lượng chuyên chở cho phép lớn nhất là: 29900 kg, khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất là: 36900 kg (không chở được container có khối lượng toàn bộ lớn nhất: 30480 (kg) (theo QCVN 38:2015/BGTVT)).

(Date) Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Cơ quan chứng nhận

(Certification body)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



KÝ QUẢN TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvicc@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KÝ
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 27/01/2026
18:47:43

Đỗ Văn Kha

Ký bởi: Đỗ Văn Kha
Email:
khavaq.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG
KIỂM VIỆT NAM, BỘ
XÂY DỰNG
Thời gian: 27/01/2026
18:47:42

Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận số 26KOT/205320 cấp ngày 16/01/2026

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...

Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...